

**Sáng tác văn học của Gia Định tam gia xã thời
Nguyễn : Luận văn ThS / Phạm Quỳnh An ; Nghd. :
PGS.TS. Trần Ngọc Vương . - H. : ĐHKHXH & NV,
2008 . - 114 tr. + CD-ROM**

MỤC LỤC

Lời cảm ơn

Lời cam đoan

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Ý nghĩa, mục đích của đề tài
 - 1.1. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài
 - 1.2. Mục đích của đề tài
2. Lịch sử vấn đề
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài
4. Phương pháp nghiên cứu
5. Những đóng góp mới của đề tài
6. Bố cục của luận văn

PHẦN NỘI DUNG

***Chương 1: Bối cảnh thời đại và thân thế, sự nghiệp của Gia
Định tam gia***

- 1.1. Tình hình chính trị-xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, đầu
thế kỷ XIX
 - 1.1.1. Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII
 - 1.1.2. Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX
- 1.2. Người Minh Hương ở Việt Nam
- 1.3. Văn học miền Nam Việt Nam trong bối cảnh văn hóa nghệ
thuật dân tộc
- 1.4. *Gia Định tam gia*: thân thế và sự nghiệp
 - 1.4.1. Trịnh Hoài Đức
 - 1.4.2. Lê Quang Định
 - 1.4.3. Ngô Nhơn Tĩnh
- Tiểu kết chương 1*

Chương 2: Sáng tác văn học của Gia Định tam gia	
2.1. Trịnh Hoài Đức	
2.1.1. Bộ sách <i>Gia Định thành thông chí</i> – một công trình có giá trị lịch sử, địa lý, văn hóa về vùng đất Nam kỳ	
2.1.2. Giá trị của <i>Cán Trai thi tập</i>	
2.1.2.1. Tình yêu quê hương, đất nước	
2.1.2.2. Tình cảm đối với gia đình, bạn bè	
2.1.2.3. Tình yêu đối với thiên nhiên và cái đẹp	
2.1.2.4. Những tâm sự thầm kín	
2.2. Lê Quang Định	
2.2.1. Bộ sách <i>Hoàng Việt nhất thống dư địa chí</i> – một công trình có giá trị địa lý, lịch sử, văn hóa của Việt Nam	
2.2.2. Giá trị của <i>Hoa Nguyên thi thảo</i>	
2.2.2.1. Tình yêu quê hương, đất nước	
2.2.2.2. Tình cảm đối với gia đình	
2.2.2.3. Tình yêu đối với thiên nhiên và cái đẹp	
2.2.2.4. Cảm thức về thời gian và không gian	
2.3. Ngô Nhơn Tĩnh	
2.3.1. Tình yêu quê hương, đất nước và nỗi ưu thời mẫn thế	
2.3.2. Khát vọng hướng tới cảnh an nhàn và vẻ đẹp thiên nhiên	
2.3.3. Nỗi sầu của một người đa cảm	
2.3.4. Tình cảm đối với bạn bè	
<i>Tiểu kết chương 2</i>	
Chương 3: Sáng tác văn học của Gia Định tam gia trong bối cảnh văn học Nam kỳ thế kỷ XVIII – XIX	
3.1. Thái độ nhập cuộc và tinh thần thực tiễn	
3.2. Khuynh hướng bình dân hóa	
3.3. Khuynh hướng bộc lộ con người cá nhân	
<i>Tiểu kết chương 3</i>	
KẾT LUẬN	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Đề tài có thể cung cấp tư liệu cho các nhà nghiên cứu và những người có cùng mối quan tâm về *Gia Định tam gia* cũng như văn học Nam kỳ thế kỷ XVIII – XIX.

1.2. Mục đích của đề tài

- Dựa vào một số tư liệu lịch sử, luận văn sẽ trình bày bối cảnh chính trị-xã hội, đặc biệt là ở miền Nam Việt Nam dưới thời trị vì của Gia Long và Minh Mạng, để có thể hiểu rõ hơn thời đại của *Gia Định tam gia*.

- Trình bày tiểu sử của Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tĩnh.

- Cung cấp các kết quả nghiên cứu về *Gia Định tam gia* thông qua việc phân tích các giá trị nội dung, nghệ thuật tác phẩm của các ông, đặt các giá trị đó trong mối quan hệ với văn chương hậu kì trung đại, tìm ra phong cách riêng của từng người...

2. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

Trong ngành nghiên cứu văn học trung đại nước ta, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu và có hệ thống về *Gia Định tam gia*. Các công trình viết về *Gia Định tam gia* như *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* (Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, Ngô Hữu Tạo dịch, NXB Thuận Hóa, 1993), *Từ điển văn học (Bộ mới)* (Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi... chủ biên, NXB Thế giới, 2004), *Gia Định tam gia* (Hoài Anh biên dịch-chú giải, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2006), hay một số bài tìm hiểu về văn học miền Nam, văn chương triều Nguyễn, văn chương các thi xã ở Nam kỳ... chủ yếu mới chỉ giới thiệu thân thế, sự nghiệp, tác phẩm và bước đầu đưa ra một số kết luận

về trước tác của các tác gia này. Nhìn chung, những nghiên cứu về *Gia Định tam gia* chưa nhiều, chưa chuyên sâu và chưa có hệ thống.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

- Thông qua việc tập hợp, bổ sung các tư liệu, luận văn sẽ dựng lại bối cảnh thời đại và tiểu sử các tác gia trong *Gia Định tam gia* thi xã.

- Phân tích tác phẩm văn học của từng người trong *Gia Định tam gia*, tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật được các tác giả gửi gắm trong đó, đồng thời bước đầu tìm hiểu quan niệm nghệ thuật của mỗi người.

- Trong quá trình phân tích tác phẩm, luận văn chú ý đến những điểm chung và khác biệt giữa các tác gia để cho thấy đóng góp riêng của từng người đối với nền văn học dân tộc.

- Liên hệ đến những đặc điểm của bối cảnh lịch sử, văn hóa thời Nguyễn.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để hoàn thành đề tài này, chúng tôi đã sử dụng tổng hợp nhiều thao tác nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành: phương pháp phân tích ngữ văn, phương pháp trực giác, phương pháp xã hội học, phương pháp so sánh.

5. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN VĂN

- Lần đầu tiên, chúng tôi cung cấp tương đối đầy đủ tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của *Gia Định tam gia*, đặt trong mối quan hệ với bối cảnh thời đại các ông sống.

- Bước đầu đưa ra những đánh giá mới về giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ văn các tác gia này.

6. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN

Phần mở đầu: Nêu ý nghĩa và mục đích của đề tài, lịch sử vấn đề, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, những đóng góp mới và bố cục của luận văn.

Phần nội dung: Gồm 3 chương:

Chương 1: Bối cảnh thời đại và thân thế, sự nghiệp của *Gia Định tam gia*

Chương 2: Sáng tác văn học của *Gia Định tam gia*

Chương 3: Sáng tác văn học của *Gia Định tam gia* trong bối cảnh văn học Nam kỳ thế kỷ XVIII - XIX

Kết luận: Đánh giá chung về giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học của *Gia Định tam gia*, khẳng định những đóng góp của ba tác gia này trong nền văn học dân tộc.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: BỐI CẢNH THỜI ĐẠI VÀ THÂN THỂ, SỰ NGHIỆP CỦA *GIA ĐỊNH TAM GIA*

1.1. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XVIII, ĐẦU THẾ KỈ XIX

1.1.1. Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII

Thế kỉ XVIII là giai đoạn rất phức tạp trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Trước đó, nội chiến phong kiến Lê – Mạc (1545 – 1592), Trịnh – Nguyễn (1627 – 1672) đã khiến đất nước rơi vào tình trạng bị chia rẽ. Sự chia cắt lãnh thổ làm thay đổi bộ mặt đất nước mà từ đây các bộ phận của nó có điều kiện để phát triển về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa theo một hướng khác.

Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổ ra trong thế kỉ XVIII, nhất là từ cuối những năm 30, đã buộc chính quyền Lê – Trịnh phải có những điều chỉnh nhất định trong chính sách cai trị. Song cùng với sự thất bại của phong trào nông dân, nhân dân Đàng Ngoài đã phải gánh chịu những khó khăn của một nền sản xuất kinh tế bị ngừng trệ và tàn phá. Ở Đàng Trong, cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất trong lịch sử Việt Nam diễn ra năm 1771, đó là khởi nghĩa Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ khởi xướng. Chiến thắng của nghĩa quân Tây Sơn đã đem lại sự thống nhất giữa hai miền đất nước. Trong thời trị vì của mình, Quang Trung đã có một số chính sách tích cực đối với sự phát triển xã hội, song triều đại mà ông gây dựng không tồn tại được lâu. Nguyễn Ánh, sau khi thu phục được đất Gia Định năm 1788, đã tập hợp binh sĩ và đến tháng 6 năm 1801 quay trở lại chiếm được thành Phú Xuân. Quân Tây Sơn tan rã, và đến tháng 7 năm 1802, Nguyễn Ánh chiếm được thành Thăng Long, lên ngôi tôn.

Về kinh tế, ở khu vực phía nam, với những thắng lợi quân sự cùng việc mở rộng lãnh thổ của chính quyền Đảng Trong, tình hình kinh tế xã hội và văn hóa được đẩy mạnh. Nông lâm nghiệp ở vùng đất mới được phát triển, đặc biệt chính quyền Nguyễn Ánh đã có những hoạt động tích cực để mở rộng việc thông thương với nước ngoài. Nông nghiệp ở miền Nam lúc bấy giờ đã mang yếu tố sản xuất hàng hóa khá rõ nét. Hoạt động buôn bán, đặc biệt là việc thông thương với nước ngoài đã tạo ra sự phồn thịnh cho các thương cảng như Hội An, Hà Tiên, đặc biệt là Gia Định.

1.1.2. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX

Vấn đề vai trò của nhà Nguyễn trong lịch sử dân tộc cho đến nay vẫn còn là một đề tài cần phải tranh luận và tìm hiểu nhiều hơn nữa. Tuy nhiên không thể phủ nhận vai trò ổn định đất nước của Nguyễn Ánh với tư cách tiếp nối sứ mạng thống nhất đất nước mà lịch sử đã đặt ra từ trước với thắng lợi của Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn. Ngoài ra, nhà Nguyễn, bắt đầu bằng sự trị vì của Gia Long (Nguyễn Ánh), đã có một hệ thống tổ chức chính quyền với quy chế hoạt động hết sức hiệu lực.

Về kinh tế, từ cuối thế kỉ XVIII, Đảng Trong nói riêng và Việt Nam nói chung đã đạt được những thành tựu đáng kể, đặc biệt là về thương nghiệp, tuy kinh tế thương nghiệp giai đoạn đầu thế kỉ XIX đã có chiều hướng suy thoái vì nhiều lý do mà trước hết là lý do chính trị. Các nghề thủ công cổ truyền cũng phát triển, như nghề đúc, nghề rèn, nghề thợ bạc, thợ sứ... Ngoài ra Gia Long còn có công trong việc phát triển thủy lợi và nông nghiệp. Thời kỳ này, triều Nguyễn ban hành nhiều chính sách khẩn hoang tích cực, thu hút được một lực

lượng lớn những lưu dân người Việt cùng với người Khmer, người Hoa vỡ đất hoang, lập phố xá, mở rộng lãnh thổ đất nước về phía nam. Về đối ngoại, triều Nguyễn chú ý thần phục nhà Thanh, nhưng đối với phương Tây lại tỏ ra nghi kỵ.

1.2. NGƯỜI MINH HƯƠNG Ở VIỆT NAM

Người Hoa di cư đến Việt Nam là những người tránh các đợt cấm giết đạo tại Trung Hoa, những di thần phản Thanh phục Minh... Triều Nguyễn, đặc biệt là thời trị vì của Gia Long, đã áp dụng những chính sách mềm dẻo để tận dụng sức lao động, sáng tạo của người Hoa vào việc phát triển kinh tế, khai khẩn đất đai và trong công việc bang giao của triều đình với Trung Quốc. Nguyên tắc ứng xử với người Hoa của triều Nguyễn, trên phương diện nào đó, đã trở thành một đạo lý. Đó chính là lý do khiến cho nhiều người Hoa, người Minh Hương trở thành những công dân Việt thực sự với những đóng góp tích cực trong việc xây dựng, phát triển đất nước. Họ hòa nhập một cách nhanh chóng, gắn bó một cách chặt chẽ với đời sống của người bản địa. Có lẽ bởi vậy, nhiều người trong số họ đã cất lên tiếng nói tha thiết, giàu trắc ẩn với cuộc đời và thể hiện tình yêu, sự gắn bó với quê hương, như các nhà thơ gốc Hoa trong tao đàn *Chiêu Anh Các* hay Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tĩnh trong *Gia Định tam gia* ...

1.3. VĂN HỌC MIỀN NAM VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT DÂN TỘC

Về văn học, đây là thời kì phát triển rực rỡ nhất của văn học trung đại Việt Nam với những tên tuổi như Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều, Đoàn Thị Điểm, Phạm Nguyễn Du, Phạm Quý Thích, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát... Vì chia rẽ về chính trị, tư tưởng thời đại được phản ánh trong văn học với những màu sắc khác nhau dựa trên những

lập trường chính trị khác nhau. Khuynh hướng nổi bật của văn học thời kỳ này là khuynh hướng phê phán xã hội và khuynh hướng trữ tình lãng mạn. Một đặc trưng của văn học giai đoạn này là sự xuất hiện của con người cá nhân.

Đàng Trong, với những đặc trưng về mặt xã hội và lịch sử, đã hình thành một nền văn học mà đặc điểm, giá trị của nó chịu ảnh hưởng của những sắc thái văn hóa mang tính đặc thù. Về thể loại, ngoài các thể quen thuộc như thơ, phú..., ở Nam kỳ lúc bấy giờ, văn xuôi, truyện Nôm tự sự, kịch bản tuồng xuất hiện nhiều. Đề tài vịnh sử là đặc điểm nổi bật của văn chương thời kì này tại Nam kỳ. Lịch sử khai khẩn đất đai và ổn định xã hội của Nam kỳ đặt ra những yêu cầu đối với đội ngũ lãnh đạo, và cũng vì thế, trong văn học, hai chủ đề nổi bật là ngợi ca nhân vật lãnh đạo và vẻ đẹp của phong cảnh thiên nhiên. Về ngôn ngữ, văn học Nam kỳ giai đoạn này có sự chuyển đổi rõ rệt: ngôn ngữ trở nên gần gũi hơn với đời sống của nhân dân, hay nói cách khác, ngôn ngữ văn học đã được nhân dân hóa, bình dân hóa.

1.4. GIA ĐỊNH TAM GIA: THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP

Đương thời, Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tĩnh được mệnh danh là *Gia Định tam gia*. Các ông là bạn thân của nhau, cùng là học trò của thầy Võ Trường Toản, cùng nhau lập thành nhóm *Gia Định tam gia thi xã* (hay còn gọi là *Bình Dương thi xã*, *Sơn hội*). Đây là ba tác gia tiêu biểu nhất cho văn học Gia Định (Gia Định là tên gọi chung đất Nam kỳ).

1.4.1. Trịnh Hoài Đức

Trịnh Hoài Đức (1765 – 1825) có tên gọi khác là An, tên tự Chỉ Sơn, hiệu Cẩn Trai. Tổ tiên Trịnh Hoài Đức gốc người huyện Trường Lạc, Phúc Kiến, Trung Quốc. Năm Mậu Thân 1788, khi Nguyễn Ánh

khôi phục Gia Định, Trịnh Hoài Đức ra ứng cử, được bổ làm Hàn Lâm viện Chế cáo. Từ đó, ông phục vụ cho chính quyền nhà Nguyễn, được vua yêu quý và trọng dụng, từng làm Thượng thư bộ Hộ, Thượng thư bộ Lễ, Thượng thư bộ Lại, Thượng thư bộ Binh, làm Tổng trấn Gia Định thành, làm Chánh sứ sang Trung Quốc... Tháng 3 năm 1825, ông từ trần tại Quỳ Viên, thọ 61 tuổi.

Tác phẩm của Trịnh Hoài Đức gồm có: *Cán Trai thi tập*, *Gia Định thành thông chí*, *Bắc sứ thi tập*, *Lịch đại kỷ nguyên*, *Khang tế lục*, *Gia Định tam gia thi tập*.

1.4.2. Lê Quang Định

Lê Quang Định (1759 – 1813), hiệu là Tấn Trai, tự là Tri Chỉ, quê ở Phú Vinh, Thừa Thiên. Khi cha mất, Lê Quang Định còn nhỏ, theo anh vào Gia Định. Lê Quang Định vốn là người thông minh, giỏi văn chương, hội họa và viết chữ đẹp.

Năm 1788, cùng với Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định thi đỗ ở Trường Gia Định, được cử làm chức Hàn lâm viện chế cáo, chuyên biên soạn sách. Sau đó ông được thăng chức, từng làm đến Thượng thư bộ Binh, Thượng thư bộ Hộ. Ngoài ra, ông còn làm Chánh sứ sang Trung Quốc và làm cho triều Thanh nể phục bởi tài ứng đáp và văn chương của mình. Ông có công lớn trong việc phân định lại chế độ đất đai sau chiến tranh, loạn lạc. Năm 1813, ông xin về nhà dưỡng bệnh và mất ở đó.

Tác phẩm của Lê Quang Định gồm có: *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, *Hoa Nguyên thi thảo*, *Gia Định tam gia thi tập*.

1.4.3. Ngô Nhơn Tĩnh

Ngô Nhơn Tĩnh không rõ sinh năm nào, tự Nhữ Sơn, gốc người Quảng Tây. Cùng với Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhơn Tĩnh, ông là học trò của Võ Trường Toản, sau ra giúp nước, lãnh chức Hàn lâm viện Thị độc, sau đó từng làm đến chức Binh bộ Hữu tham tri, Thượng thư bộ Công, Hiệp trấn thành Gia Định. Ngô Nhơn Tĩnh nhiều lần được cử đi sứ và người Thanh rất nể phục trí thông minh, tài ứng đối của ông. Năm 1813, khi Ngô Nhơn Tĩnh cùng Tổng trấn Lê Văn Duyệt đem quân đưa vua Chân Lạp là Nặc Ong Chân về nước, ông bị gièm pha là ăn của lót. Buồn bã mà thành bệnh, ông mất vào năm đó.

Tác phẩm của Ngô Nhơn Tĩnh gồm có: *Thập Anh đường thi tập*, *Thập Anh văn tập*, *Gia Định tam gia thi tập*, *Nghệ An phong thổ ký* (soạn chung với Bùi Dương Lịch).

CHƯƠNG 2: SÁNG TÁC VĂN HỌC CỦA GIA ĐỊNH TAM GIA

2.1. TRỊNH HOÀI ĐỨC

2.1.1. Bộ sách *Gia Định thành thông chí* – một công trình có giá trị lịch sử, địa lý, văn hóa về vùng đất Nam bộ xưa

Được coi là sách lịch sử và địa lý chuyên tác đầu tiên về vùng đất phía nam Việt Nam, *Gia Định thành thông chí* đánh dấu đóng góp quan trọng của Trịnh Hoài Đức trong việc nghiên cứu, ghi chép về mảnh đất Nam kỳ. Trong công trình này, tác giả ghi chép một cách cẩn thận, cụ thể từ tên núi, tên sông, tên vùng đất. Ngoài ra, ông còn giải thích cặn kẽ các địa danh ấy và miêu tả tỉ mỉ phong tục và tính cách người dân miền Nam, với một lối viết giàu hình ảnh, trữ tình.

2.1.2. Giá trị của *Cần Trai thi tập*

2.1.2.1. Tình yêu quê hương, đất nước

Một chủ đề có ý nghĩa xuyên suốt trong dòng văn học Việt Nam trung đại, hiển hiện rõ nét trong thơ văn của *Gia Định tam gia* nói chung và trước tác của Trịnh Hoài Đức nói riêng, đó là tình yêu đối với quê hương, đất nước. Mảnh đất Gia Định trở thành một trong những đề tài nổi bật trong thơ văn Trịnh Hoài Đức, gắn với tình yêu và nổi lưu luyến của ông. Điều này thể hiện rõ trong *Gia Định tam thập cảnh, phân Bội Văn Vận Phủ vận*. Ở đây, Gia Định được mô tả với những đường nét hiện thực sinh động, phóng khoáng. Đây cũng chính là đặc trưng của phong cách thơ Trịnh Hoài Đức. Tình yêu ấy còn được thể hiện trong nỗi nhớ quê hương khi rời xa. Khi ở nước Cao Miên, ông khẳng định tấm lòng vì lý tưởng, không thay đổi của mình: dẫu cho vật đổi sao dời, “không bỏ tấm lòng ban đầu như nước triều hôm sớm”.

Hoài Đức, cũng như nhiều người trong đội ngũ trí thức Gia Định lúc bấy giờ “nhất hóa lý tưởng giúp nước lo đời muôn thừa của Nho gia vào với việc phục vụ cho chính quyền Nguyễn Ánh” (Cao Tự Thanh). Nhiều bài thơ của ông tỏ rõ tư tưởng trung quân: *Thơ Nôm II, Thơ Nôm XVIII, Đông tòng...*

2.1.2.2. Tình cảm đối với gia đình, bạn bè

Trịnh Hoài Đức có nhiều bài thơ rất xúc động nói lên tình cảm đối với gia đình và bạn bè.

2.1.2.3. Tình yêu đối với thiên nhiên và cái đẹp

Tự nhận mình “đa tình mắt xem hoa không biết mỏi”, Trịnh Hoài Đức dành cho thiên nhiên một tình yêu đặc biệt. Dường như những cảnh đẹp của thôn quê gắn liền với sự trù phú, thanh bình có ý

nghĩa đặc biệt đối với nhà thơ. Ít có bài tả thuần cảnh thiên nhiên; Hoài Đức luôn luôn muốn mô tả một cảnh quan hài hòa giữa thiên nhiên và con người, giữa tĩnh và động, giữa cảnh sinh hoạt, làm việc và sự nghỉ ngơi... Ở nhiều bài, cảm nhận của ông trước cái đẹp thật tinh tế.

2.1.2.4. Những tâm sự thâm kín

Là vị quan lớn triều đình, thường xuyên trong tâm trạng “lo thời thế hầy chưa yên”, nhưng đôi lúc Trịnh Hoài Đức nhận thấy cái lạnh của kiếm sắc, của cả ánh hào quang. Trong nhiều bài thơ, những tâm sự thâm kín được Trịnh Hoài Đức bộc bạch. Đó là nỗi bồi hồi, băng khuâng của Hoài Đức trong bài *Mai khâu vãn thiêu*; là nỗi sầu khi nhìn cảnh hoa gạo bay tứ tung trong bài *Thu nhật khách trung tác*; là nỗi cô đơn khi thấy tiếng nhận nghe lạnh buốt như đang rơi vào con thuyền cô đơn trong bài *Sứ hành thứ Quảng Đông thư hoài*; là những đêm nghe gió lọt vào màn lụa trong bài *Dạ tọa*...Nỗi niềm riêng đã khiến thơ Trịnh Hoài Đức trở nên sâu lắng hơn. Giống như những nốt trầm, nó khiến bản nhạc của ông có sức nặng, có sức ám ảnh đối với người đọc.

2.2. Lê Quang Định

2.2.1. Bộ sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* – một công trình có giá trị về địa lý, lịch sử, văn hóa của Việt Nam

Hoàng Việt nhất thống dư địa chí là bộ địa chí toàn quốc đầu tiên của triều Nguyễn được Lê Quang Định soạn theo chiếu chỉ của Gia Long. Bộ sách gồm 10 quyển. Nội dung chính của sách gồm hai phần là *Dịch lộ* và *Thực lục*. Bộ sách mô tả một cách rõ ràng, chính xác về đường đi, các dịch trạm, các địa danh, sông núi, khe suối, ngòi rạch, cửa biển, kèm theo những chú giải về mặt mạnh, mặt yếu, chỗ hiểm trở, chỗ thuận lợi của từng địa phương cụ thể.

2.2.2. Giá trị của *Hoa Nguyên thi thảo*

2.2.2.1. Tình yêu quê hương, đất nước

So với thơ Trịnh Hoài Đức, thơ Lê Quang Định phóng khoáng hơn. Cùng là tình yêu đối với quê hương, đất nước, nhưng Trịnh Hoài Đức viết thiên về lối cổ điển, coi trọng chủ đề, cấu tứ và việc sử dụng các điển tích, điển cố; còn Lê Quang Định thể hiện nỗi lòng mình đối với quê, với nước phóng túng hơn. Ông không bày tỏ một cách trực diện (như nhiều lần Trịnh Hoài Đức đã làm), mà kín đáo, ý nhị. Cũng có lúc nhà thơ trăn trở về việc “một mảnh dư đồ đất nước còn mệnh mang mờ mịt”. Tình yêu đối với quê hương đất nước còn thể hiện ở nỗi nhớ khi rời xa nó. Hơn một lần, Lê Quang Định gửi nỗi lòng ấy vào mây trắng: “Lòng quê mỗi lần gửi làn mây trắng, “Mây đưa lòng quê mới ra khỏi núi”. Ở bài *Nghi Câu khách trung thất tịch*, hình tượng thơ của ông khi diễn tả nỗi nhớ quê hương đất nước đã đạt tới trình độ siêu việt, vừa mang dáng dấp cổ điển lại vừa hiện đại, vừa có cái đậm vừa có cái vị...

2.2.2.2. Tình cảm đối với gia đình

Không được thể hiện nhiều trong thơ Lê Quang Định, nhưng tình cảm gia đình cũng rất thiết tha trong một số bài, khiến ta hiểu thêm về con người ông.

2.2.2.3. Tình yêu đối với thiên nhiên và cái đẹp

Trong thơ Lê Quang Định, thiên nhiên không chỉ hiện lên như một hình tượng thuộc một đề tài cần được quan tâm, mà còn gắn với phong cách Lê Quang Định, nhà thơ được coi là một “bậc lãng tử vui thú yên hà”.

Lê Quang Định tài ở chỗ không để cho cái tình lấn át cảnh vật. Bức tranh mà ông vẽ trong thơ thường bằng những nét chấm phá nhưng rất cụ thể, sống động, và mặc dù trộn lẫn trong cái tình đến độ

tưởng như siêu thực, người đọc vẫn hiểu rằng ông đang vịnh cảnh, rằng cảnh đẹp của thiên nhiên ấy là có thực và ông đang đắm say trong nó.

2.2.2.4. Cảm thức về thời gian và không gian

Không-thời gian thường xuyên ám ảnh Lê Quang Định, và hiện lên trong thơ ông một con người luôn giật mình trước một hiện thực bị biến đổi bởi sức tàn phá của nó. Đêm luôn là thời điểm nhà thơ chọn để bày tỏ nỗi buồn, nỗi mong chờ. Bóng dáng của thời gian thường xuất hiện trong thơ Lê Quang Định với hình ảnh của đêm, của mái tóc như những tín hiệu nghệ thuật. Nhiều lần, Lê Quang Định giật mình trước thời gian, ông dùng từ “bất giác” để nói về điều này: “Bất giác đã quá tuổi xuân xanh, “Bất giác mũ áo đã ra vẻ lão thần”, “Mái tóc bất giác rơi như cỏ bông”... Lê Quang Định nhận ra sức tàn phá của thời gian, nhưng ông không hoảng sợ. Ông chỉ buồn, một nỗi buồn bình thản, thanh đạm. “Đành để cho...”, “e rằng...” – các cách nói ấy vừa thể hiện nỗi buồn, vừa nói với chúng ta rằng nhà thơ đứng cao hơn nỗi buồn ấy, vượt lên trên nó và bình thản với nó.

Cảm thức về không gian trong thơ Lê Quang Định chủ yếu là cảm thức của lữ khách nơi xa xôi. Là người duy nhất trong *Gia Định tam gia* quê gốc Việt Nam, có lẽ bởi vậy mà khi xa đất nước ông luôn ý thức rằng mình là người lữ thứ tha phương. Không có gì khó hiểu khi ý niệm về khoảng cách, về không gian, về sự đơn độc, về “nỗi lòng đất khách” ở ông mạnh mẽ, da diết hơn. Những từ như “khách”, “mộng khách”, “lữ khách”, “đất khách”, “mộng giang hồ”, “đường xa”... xuất hiện nhiều trong thơ Lê Quang Định.

2.3. Ngô Nhơn Tĩnh

2.3.1. Tình yêu quê hương, đất nước và nỗi ưu thời mẫn thế

Trong thơ, nhiều lần Ngô Nhơn Tĩnh nói đến “một tấm lòng”, “một tấm tình” (“nhất phiến tâm”, “nhất phiến tình”), thường là để nói về tấm lòng trước sau như một đối với đất nước. Giống Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, ông cũng thể hiện lòng trung quân trong thơ như một biểu hiện của lòng yêu nước: “Ôn vua yêu ban tứ nhiều” (*Kỳ thất*), “Niềm quân thần vẫn trọng” (*Kỳ thập*)...

Nhiều lần, thơ ông tỏ rõ nỗi ưu thời mẫn thế. Một đặc điểm đáng lưu ý trong thơ Ngô Nhơn Tĩnh là quan niệm của ông về lẽ trời, lẽ đời: sự chuyển vận. Ông thường xuyên tâm niệm về “buồn, vui, chia, hợp”, về sự luân chuyển, về những xoay vần của thời gian và cuộc đời, những thay đổi nay động mai tĩnh, trước phải sau sai... Điều quan trọng, đối với ông, là trong sự xoay chuyển đó, kẻ sĩ mang đức nặng chí hùng sâu phải giữ cho “thân tâm này đứng vững trong nghiên ngã”, “biết bảo tồn cái thần của mình” và “không để mất tấm lòng ban đầu”.

2.3.2. Khát vọng hướng tới cảnh an nhàn và vẻ đẹp thiên nhiên

Trong *Gia Định tam gia*, nếu Trịnh Hoài Đức là hiện thân của một nho sĩ nhập cuộc với thời thế, “khéo quyền biến, đầy trí lự”, Lê Quang Định đắm say trong thú vui yên hà và chí trai ngang dọc, thì Ngô Nhơn Tĩnh lại là người hướng nội. Nhà thơ thường nói tới cuộc sống an nhàn với một niềm vui lớn: “Mừng được thú hương thanh, luôn khuây được buồn lo ở đời”. Bởi vậy, nhiều lần trong thơ, Ngô Nhơn Tĩnh coi công danh như một thứ bụi trần hay một giấc mộng mong manh, chỉ mang lại cho con người những ảo giác hoặc ví con đường công danh giống như con đường mờ mịt bụi.

Tuyệt nhiên không phải sự trốn tránh, lánh đời như các ẩn sĩ xưa đã làm khi bất mãn với thời cuộc, Ngô Nhơn Tĩnh hướng đến sự nhàn

tản vì trong hồn ông có một góc luôn chờ đợi sự tĩnh lặng của thiên nhiên, cái vui thú của cuộc sống giản dị không vương bụi trần, sự yên bình của tâm hồn, và “thú hương thanh” như một cách giải tỏa nỗi sầu muộn. Cùng có chung “nỗi lòng đất khách”, song nếu như ở Lê Quang Định chỉ đơn giản là niềm thương nhớ quê hương thì ở Ngô Nhơn Tĩnh, tâm niệm “đời người việc chi mà phải ở tha hương” đã trở thành một triết lý sống gắn với sự nhàn tản.

2.3.3. Nỗi sầu của một người đa cảm

Là người có tâm hồn nhạy cảm, hướng nội, thường xuyên Ngô Nhơn Tĩnh thấy sầu muộn trong lòng. Ông tìm đến thiên nhiên để “quên lo”, để “khuây được buồn lo ở đời”, nhưng vẫn không che chắn nỗi nỗi buồn. Thơ ông trở nên day dứt, ám ảnh người đọc chính bởi nỗi sầu đó.

2.3.4. Tình cảm đối với bạn bè

Một trong số những tình cảm mà Ngô Nhơn Tĩnh vin vào để chia sẻ, đó là tình cảm với bạn bè. Bài *Lưu biệt Tiên thành chư hữu* đã nói lên niềm vui ấm áp khi có bạn tốt. Trước khi lên đường đi sứ Cao Miên, ông viết bài *Đáp chư hữu tặng biệt nguyên vận* đáp lại bài thơ các bạn tặng, ở đó có niềm vui của tình bạn đang trào dâng, nỗi buồn của sự ly biệt, nỗi lưu luyến của một người chuẩn bị lên đường. Ở phương xa, ông luôn nhớ tới bạn bè. Trong bài *Kỳ cửu*, ông ví mình như chim nhận “đậu lâu nơi nào cũng nhớ anh em”...

CHƯƠNG 3: SÁNG TÁC VĂN HỌC CỦA *GIA ĐỊNH TAM GIA* TRONG BỐI CẢNH VĂN HỌC NAM KỲ THẾ KỶ XVIII - XIX

Nói về văn nghệ miền Nam thời bấy giờ, không thể không lưu ý tới nguyên nhân dẫn đến những yếu tố khu biệt về mặt văn hóa của miền Nam trong tiến trình phát triển văn hóa xã hội của Đại Việt. Sự hình thành cộng đồng dân cư với sắc thái đa dân tộc, sự tiếp nhận những yếu tố văn hóa từ nhiều nguồn gốc, những điều mất đi, còn lại và những biến thái của các yếu tố tâm linh, tín ngưỡng, tình cảm và tư duy trong quá trình sàng lọc để mưu sinh..., tất cả đã tạo nên một đời sống văn hóa xã hội mang tính đặc thù và do đó làm nảy sinh một nền văn chương có sự khác biệt đối với dòng phát triển truyền thống. Thuộc về nền văn chương ấy, sáng tác văn học của *Gia Định tam gia* nối tiếp dòng chảy mà các nhân sĩ trước đó đã khơi nguồn, đồng thời phát triển nghệ thuật của các ông theo một khuynh hướng mới, mang phong cách riêng và làm cơ sở cho sáng tạo nghệ thuật sau này. Đó là nguồn cảm hứng từ hiện thực cuộc sống ở vùng đất mới, tinh thần thực tiễn và thái độ nhập cuộc trên cơ sở ý thức hệ Nho giáo, là khuynh hướng bình dân hóa trong văn chương, là cách nhìn nhận phóng túng đối với các quan điểm của Nho giáo chính thống, là khuynh hướng bày tỏ những nỗi niềm riêng tư... Đây thực sự là những đóng góp lớn lao cho văn học Nam kỳ trong tiến trình tạo dựng một truyền thống địa phương, đóng góp vào sự phát triển chung của văn học toàn dân tộc.

3.1. THÁI ĐỘ NHẬP CUỘC VÀ TINH THẦN THỰC TIỄN

Trong không khí xây dựng cuộc sống mới và tiếp nhận đồng thời các yếu tố văn hóa từ nhiều nguồn gốc khác nhau, tinh thần thực tiễn, năng động và thái độ nhập cuộc của đội ngũ trí thức miền Nam thế kỷ

XVIII, XIX được phát huy mà trong văn học trước hết thể hiện ở niềm tự hào về cuộc sống mới mà chính quyền và nhân dân đã gây dựng, khao khát được phục vụ công cuộc xây dựng xã hội với sự lãnh đạo của chính quyền nhà Nguyễn.

Trên thực tế, trước khi đánh bại được nhà Tây Sơn, những thắng lợi quân sự cùng với kinh nghiệm thống trị của dòng họ đã giúp Nguyễn Ánh thu hút được lực lượng trí thức – nhà nho ở Gia Định và thuyết phục được đội ngũ này ở miền Nam tích cực ủng hộ cho sự nghiệp chính trị của mình. Bởi vậy mà trong sáng tác văn học của họ, chủ đề ca ngợi phong cảnh thiên nhiên - chủ đề nổi bật trong giai đoạn văn học Đàng Trong (1600 – 1777) - vẫn được tiếp nối nhưng gắn bó hơn với niềm tự hào, ngợi ca công lao của vương triều Nguyễn. Và trên tất cả, lý tưởng giúp nước lo đời của Nho giáo đã được các trí thức Nam kỳ nhất hóa với việc phục vụ cho chính quyền Nguyễn Ánh. Thơ văn của *Gia Định tam gia* cũng thể hiện rõ lòng trung quân, khát vọng giúp vua giúp nước và lòng tôn kính đối với các bậc danh thần có công với triều Nguyễn như Võ Tánh, Ngô Tùng Châu. Thái độ nhập cuộc cộng với tinh thần thực tiễn đã tạo ra một không khí hào hứng, tràn khí thế trong đời sống của các trí thức – nhà nho Nam kỳ thời bấy giờ, mà ở đó việc phụng sự cho triều Nguyễn trở thành một lý tưởng cao cả. Là các văn thần của triều đình, hơn nữa là những người đóng góp nhiều công sức thiết thực cho công cuộc xây dựng xã hội của triều Nguyễn, *Gia Định tam gia* hơn ai hết luôn tâm niệm về trung quân, hành đạo và bên cạnh đó là hướng tới cuộc sống của nhân dân. Hơi thở của cuộc sống mới tràn trong tác phẩm của các ông. *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức hấp dẫn người đọc không chỉ bởi những ghi chép thành thực về cương vực, phong tục, sản vật của Gia Định mà còn bởi nó lột tả được cái nhịp điệu hối hả, hùng hục khí thế

của con người đang xây dựng cho mình cuộc sống mới. Nếu như trong *Hà Tiên thập vịnh* của *Chiêu Anh Các* yếu tố thiên nhiên còn lấn át hình ảnh con người, thì các bài thơ trong *Cán Trai thi tập*, *Hoa Nguyên thi thảo*, *Thập Anh đường thi tập*, bóng dáng của con người đã hiện ra như một hình tượng nghệ thuật chủ đạo. *Gia Định tam gia* đã hướng đến con người và cuộc sống một cách có ý thức, và rõ ràng sự gắn bó ấy sâu sắc hơn so với các sáng tác của *Chiêu Anh Các*.

Chính tinh thần thực tiễn đã khiến cho đời sống văn hóa xã hội cũng như tư tưởng của các trí thức – nhà nho Nam kỳ thời bấy giờ phát triển theo hướng khác với Bắc kỳ. Quá trình hòa vào đời sống đã mang lại cho Nho giáo Nam kỳ những màu sắc mới, trong đó có hiện tượng mà Nguyễn Văn Trung trong *Lục châu học* gọi là “lấy chữ nghĩa lấn át chữ trung”, và bên cạnh đó Nho giáo còn tìm cho nó cách thức hòa nhập vào thực tiễn nơi đạo Phật và các tôn giáo, tín ngưỡng khác của các tầng lớp nhân dân đương thời. Là tôi thân triều Nguyễn, các nhà thơ trong *Gia Định tam gia* vẫn luôn đề cao chữ “trung” và các quan điểm của Nho giáo chính thống, song đôi khi họ cũng ưu tư nghĩ về lẽ sắc không của nhà Phật, về kiếp luân hồi, về việc “xa lánh thị phi” và về đạo huyền vi... Như vậy, tính chất không thuần nhất của Nho giáo đã ảnh hưởng đến các tác giả văn học Nam kỳ trong đó có *Gia Định tam gia*, một mặt nó thể hiện tinh thần thực tiễn của các trí thức thời đó, mặt khác nó tạo cho văn chương của nhà nho một không gian rộng rãi, phóng túng hơn để thâm nhập.

3.2. KHUYNH HƯỚNG BÌNH DÂN HÓA

Có thể thấy khuynh hướng bình dân hóa là một trong những đặc điểm căn bản của văn nghệ miền Nam thời bấy giờ. Lý giải về điều này, Nguyễn Văn Xuân trong tác phẩm “Khi những lưu dân trở lại” đã nhấn mạnh tới yếu tố nguồn gốc dân cư và sự hình thành đời sống

cộng đồng trong xã hội Đảng Trong. Cao Tự Thanh trong “Văn học Đảng Trong” lưu ý đến một khía cạnh nữa, đó là quá trình dân tộc hóa ở Việt Nam cũng như quá trình nhân dân hóa ở Đảng Trong xuất phát từ những thay đổi về hệ giá trị đã khiến cho Nho giáo, với tư cách là ý thức hệ chính trị chi phối mọi hoạt động tinh thần khác, trở nên không thuần nhất, ở đó “các yếu tố nhân dân hóa dường như lấn át yếu tố quan phương”; và tất nhiên “điều này cũng tác động tới quan niệm thẩm mỹ và hoạt động sáng tác” của các văn sĩ. Còn Nguyễn Văn Trung trong *Lục châu học* đã tiếp tục khai thác ý kiến của Nguyễn Văn Xuân, khu biệt với nền văn chương bác học ở Bắc Hà để khẳng định rằng ở miền Nam “họ chỉ có một dòng văn chương là dòng văn chương đại chúng”.

Là người Minh Hương, Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhơn Tĩnh đã hòa nhập vào đời sống cộng đồng cư dân Việt và trên phương diện nào đó, sự gắn bó của các ông đối với mảnh đất Gia Định càng thêm phần sâu sắc khi nó còn là cơ duyên và nặng nghĩa tri ân. Lê Quang Định mồ côi từ nhỏ phải lưu lạc vào Nam, hẳn là mảnh đất ấy đối với ông cũng thiêng liêng, giàu ý nghĩa. “Nguồn gốc xuất thân cùng với không gian xã hội nói trên đã đào luyện họ thành một loại trí thức của đời thường, một loại trí thức mà học vấn và tài năng thường xuyên được kiểm nghiệm qua thực tiễn hoạt động nhiều khi cả vì miếng cơm manh áo trong cuộc sống thường nhật” (Cao Tự Thanh). Chính bởi vậy mà thơ của họ viết theo khuynh hướng bình dân hóa, tràn đầy hơi thở của cuộc sống đời thường, gần gũi với nhân dân.

Nếu như thiên nhiên trong thơ Mạc Thiên Tích là thiên nhiên hùng vĩ, bao trùm lên cuộc sống con người, ảnh hưởng sâu sắc tới họ, thì đến *Gia Định tam gia*, mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên

đã có những thay đổi. Ở mức độ nào đó, con người đã chinh phục được thiên nhiên bằng chính sức lao động của mình, cho nên dưới ngòi bút của *Gia Định tam gia*, con người đã trở thành một hình tượng xuyên suốt trong các tác phẩm. Hơn nữa, ý thức được rằng nhân dân vừa là đối tượng phản ánh vừa là đối tượng thưởng thức, các nhà thơ trong nhóm luôn hướng tới quần chúng, ca ngợi cuộc sống lao động sản xuất của họ, đồng thời trong nghệ thuật biểu hiện, lược bỏ nhiều những gì là từ chương, những khuôn sáo, gò bó của văn học cổ điển. Hình ảnh nhân dân lao động đã trở thành nguồn cảm hứng mới, dạt dào, nhất là trong các sáng tác của *Gia Định tam gia*, đặc biệt trong tác phẩm của Trịnh Hoài Đức. Các bài thơ *Nôm Đi sứ cảm tác* của Trịnh Hoài Đức lại càng giản dị và gần gũi với lời nói của quần chúng lao động. So với thơ chữ Hán của *Chiêu Anh Các*, thì thơ chữ Hán của *Gia Định tam gia* ít dùng thi liệu văn chương cổ điển hơn, gần gũi và giàu tình cảm hơn. Đó cũng chính là cách các thi sĩ của *Gia Định* hướng tới quần chúng lao động và đồng thời mở ra trong văn học khuynh hướng bình dân hóa.

3.3. KHUYNH HƯỚNG BỘC LỘ CON NGƯỜI CÁ NHÂN

Ở Nam kỳ, có lẽ *Gia Định tam gia* đã khởi xướng cho khuynh hướng bộc lộ nỗi niềm riêng tư trong văn chương, hay ít nhất những tâm sự cá nhân trong thi phẩm của các ông đã được bày tỏ khá rõ nét. Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tĩnh, mỗi người một vẻ nhưng họ đều chọn thơ như một người bạn để tâm tình. Những tâm sự thầm kín không những được bộc lộ như một quy luật tất yếu trong văn chương mà quan trọng hơn, đó chính là sự ý thức đã trở nên sâu sắc hơn về cá nhân và nhu cầu đã trở nên cháy bỏng hơn về việc bộc bạch nỗi lòng trong nghệ thuật.

Mặc dù nhiều khi, con người Hoài Đức được ông vẽ lên bằng quan niệm chính thống của Nho giáo, chẳng hạn như trong bài *Cán Trai đề*

bích là con người gắn với cương duy, nhưng đến bài *Tự trào*, khát vọng bộc lộ chính mình đã rõ hơn và mang tính chất riêng tư hơn. Người ta vẫn còn nhớ bức tranh thâm đượm tâm trạng buồn bã của Lê Quang Định trong bài *Mặc Châu giang dạ bạc*. Lê Quang Định cũng là người bị ám ảnh bởi thời gian và không gian. Nỗi cô đơn trước cái dài rộng của không-thời gian đã trở thành một chủ đề quan trọng trong toàn bộ trước tác của nhà thơ này. Khi suy tư về thời gian và không gian cũng là khi con người ý thức được sự nhỏ bé và hạn hẹp của đời sống, nỗi cô đơn của bản thân. Còn với Ngô Nhơn Tĩnh, nỗi u sầu và khát vọng được đắm mình giữa thiên nhiên, được thanh thoi bầu bạn với hoa, trăng, cây cỏ... đã khiến cho *Thập Anh đường thi tập* của ông chan chứa cảm xúc, sâu lắng nỗi niềm và do đó mà hấp dẫn được người đọc. Đặc biệt, trong bài *Thuyết tình ái*, con người cá nhân hiện lên rõ rệt với những điều nó ưa thích. Đây là một bài thơ tuyệt hay của Ngô Nhơn Tĩnh, ở đó người đọc bị lôi cuốn không chỉ vì ngôn từ đầy ý vị, vừa sâu sắc vừa phóng túng, mà còn bởi phong thái tao nhã, tự tại của con người. Con người ấy đã ý thức sâu sắc về phẩm chất, cá tính của bản thân. Đó là con người đã dám dựng lên bức chân dung của mình, phơi bày những điều nhỏ nhất và riêng tư nhất một cách hết sức tự nhiên, say đắm.

Như vậy, mặc dù chưa lộ ra trong thơ với một nhu cầu mạnh mẽ được bộc lộ đủ để tạo nên sức mạnh giải phóng tinh thần, con người cá nhân trong sáng tác của *Gia Định tam gia* đã hàm chứa những yếu tố cho một sự khởi đầu. Các thi sĩ này đã mở ra một khuynh hướng mới trong văn học với việc cởi mở hơn khi viết về những nỗi niềm riêng tư thâm kín, mạnh dạn hơn khi bộc bạch con người cá nhân của mình.

KẾT LUẬN

Giai đoạn cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX là một giai đoạn phức tạp của lịch sử dân tộc với những mâu thuẫn và biến cố làm thay đổi và hình thành nhiều yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa... của dân tộc cũng như ở từng địa phương. Riêng ở miền nam Việt Nam lúc bấy giờ, những xáo trộn về mọi mặt đời sống cùng với quá trình tiếp nhận không ngừng các yếu tố khác nhau của các nền văn hóa đã tạo ra bộ mặt mới cho nửa phần phía nam đất nước. Tiến trình ấy diễn ra vô cùng phức tạp và cho đến nay nhiều vấn đề vẫn còn khép kín trước sự thăm dò, nghiên cứu của con người.

Văn học, với tư cách là sự phản ánh của đời sống, sẽ giúp chúng ta dần dần bóc tách lớp sương mù có từ khoảng cách giữa hiện tại và quá khứ. Việc tìm hiểu về sáng tác văn học của Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tĩnh – ba văn thần của triều Nguyễn, ngoài ý nghĩa trên, còn mở ra một lĩnh vực nghiên cứu thú vị, bởi không phải ngẫu nhiên mà các ông được mệnh danh là *Gia Định tam gia*. Thơ văn của các ông có hồn, có sức lay động lòng người, hơn nữa những đóng góp về mặt nội dung và nghệ thuật đã tạo ra một khuynh hướng mới trong văn học với một phong cách phóng khoáng, gần gũi với nhân dân.

Tuy nhiên, đề tài nghiên cứu về *Gia Định tam gia* chưa nhiều nếu không nói là rất ít. Vô hình trung, chúng ta đã để một khoảng trống trong việc nghiên cứu về văn học Nam bộ xưa, một nền văn học được thai nghén trên mảnh đất đang hội tụ những yếu tố làm căn bản cho sự hình thành nền văn hóa sau này. Bởi vậy, cần phải có những công trình nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa về văn chương của nhóm tác gia này.